

CÔNG TY
ĐIỆN LỰC GIA LÂM
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN KIỂM NHIỆM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHIỆM VỤ KỸ THUẬT
VÀ DỰ TOÁN CHI PHÍ GIAI ĐOẠN CHUẨN BỊ DỰ ÁN
DỰ ÁN: CẢI TẠO, NÂNG CÔNG SUẤT CÁC TBA, NÂNG CAO NĂNG LỰC
CẤP ĐIỆN LƯỚI ĐIỆN HẠ ÁP TRÊN ĐỊA BÀN PHƯỜNG BỒ ĐỀ, PHÚC
LỢI, LONG BIÊN, XÃ BÁT TRÀNG NĂM 2026

Người lập:

Âu Bảo Yên – Chuyên viên tổ QLĐT



Kiểm tra:

Hoàng Văn Luận - Tổ trưởng Tổ QLĐT ./.

Nơi nhận:

- BGĐ;
- KHVT, TCKT;
- QLĐT (06 bản giấy để t/h);
- Lưu: VT, KTAT.

GIÁM ĐỐC BAN

PHÓ GIÁM ĐỐC CÔNG TY
Nguyễn Văn Thành

GIỚI THIỆU NỘI DUNG BIÊN CHẾ HỒ SƠ

Hồ sơ Nhiệm vụ kỹ thuật và Dự toán chi phí giai đoạn chuẩn bị dự án: **“Cải tạo, nâng công suất các TBA, nâng cao năng lực cấp điện lưới điện hạ áp trên địa bàn phường Bờ Đề, Phúc Lợi, Long Biên, xã Bát Tràng năm 2026”** được biên chế như sau:

PHẦN I. QUY MÔ ĐẦU TƯ SƠ BỘ VÀ KHÁI TOÁN CHI PHÍ ĐẦU TƯ DỰ ÁN.

- I. CÁC CĂN CỨ PHÁP LÝ.
- II. MỤC TIÊU DỰ ÁN.
- III. QUY MÔ ĐẦU TƯ SƠ BỘ CỦA DỰ ÁN .
- IV. KHÁI TOÁN CHI PHÍ ĐẦU TƯ CỦA DỰ ÁN .

PHẦN II. NHIỆM VỤ KỸ THUẬT VÀ DỰ TOÁN CHI PHÍ GIAI ĐOẠN CHUẨN BỊ DỰ ÁN.

- I. NHIỆM VỤ KỸ THUẬT.
- II. DỰ TOÁN CHI PHÍ GIAI ĐOẠN CHUẨN BỊ DỰ ÁN.

PHẦN I: QUY MÔ ĐẦU TƯ SƠ BỘ VÀ KHAI TOÁN CHI PHÍ ĐẦU TƯ

I. CÁC CĂN CỨ PHÁP LÝ:

- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18 tháng 6 năm 2014; Luật số 62/2020/QH14 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng số 50/2014/QH13;
- Luật Điện lực số 61/2024/QH15 ngày 30 tháng 11 năm 2024;
- Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;
- Nghị định số 11/VBHN-BXD của Bộ Xây dựng ngày 12 tháng 9 năm 2023 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý Quy hoạch đô thị.
- Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;
- Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 8 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015;
- Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;
- Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;
- Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng;
- Nghị định số 174/2025/NĐ-CP ngày 30/06/2025 của Chính Phủ về việc quy định chính sách giảm thuế giá trị gia tăng theo nghị quyết số 204/2025/QH15 ngày 17 tháng 06 năm 2025 của Quốc hội;
- Thông tư số 43/2013/TT-BCT ngày 31/12/2013 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định nội dung, trình tự, thủ tục lập, thẩm định, phê duyệt và điều chỉnh Quy hoạch phát triển điện lực;
- Nghị định số 62/2025/NĐ-CP ngày 04/3/2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật điện lực về bảo vệ công trình điện lực và an toàn trong lĩnh vực điện lực;
- Thông tư số 43/2013/TT-BCT ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định nội dung, trình tự, thủ tục lập, thẩm định, phê duyệt và điều chỉnh Quy hoạch phát triển điện lực;
- Thông tư số 30/2015/TT-BCT ngày 16/09/2015 của Bộ Công Thương Quy định phương pháp xác định mức chi phí lập, thẩm định, công bố, điều chỉnh và quản lý Quy hoạch phát triển điện lực tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Quy hoạch phát triển thủy điện vừa và nhỏ;
- Thông tư 20/2019/TT-BXD ngày 31/12/2019 của Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định, quản lý chi phí quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị;
- Thông tư 02/2024/TT-BXD ngày 20 tháng 5 năm 2024 của Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định và quản lý chi phí quy hoạch chi tiết theo quy trình rút gọn;

- Thông tư 17/2025/TT-BXD ngày 30/06/2025 về việc ban hành định mức, phương pháp lập và quản lý chi phí cho hoạt động quy hoạch đô thị và nông thôn;
- Quyết định số 6115/QĐ-UBND ngày 21/11/2014 của UBND Thành phố Hà Nội về việc phê duyệt đồ án quy hoạch phân khu đô thị N10, tỉ lệ 1/2000 địa điểm: tại các phường Ngọc Thụy, Ngọc Lâm, Bồ Đề, Gia Thụy, Thượng Thanh, Đức Giang, Việt Hưng, Giang Biên, Long Biên, Phúc Đồng, Cự Khối, Sài Đồng, Thạch Bàn, Phúc Lợi – quận Long Biên, Xã Cổ Bi, Đông Dư - huyện Gia Lâm - Hà Nội;
- Quyết định số 711/QĐ-UBND ngày 09/12/2017 về việc phê duyệt hợp phần II: Quy hoạch chi tiết phát triển lưới điện trung áp sau các trạm 110kV của Quy hoạch phát triển điện lực Thành phố Hà Nội giai đoạn 2016-2025, có xét đến năm 2035;
- Quyết định số 1100/QĐ-EVN ngày 25/7/2022 của Tập đoàn Điện lực Việt Nam về việc ban hành Bộ quy trình quản lý chất lượng nội bộ Ban QLDA và Bộ quy trình quản lý chất lượng dự án đầu tư xây dựng khối lưới điện phân phối;
- Quyết định 789/QĐ-EVN ngày 10/06/2025 của Tập đoàn Điện lực Việt Nam về việc ban hành quy định về công tác đầu tư xây dựng trong Tập đoàn Điện lực Việt Nam;
- Quyết định số 88/QĐ-EVN HANOI ngày 03/01/2024 của Tổng Công ty Điện lực TP Hà Nội về việc ban hành “Đề án định hướng Công tác Quản lý kỹ thuật giai đoạn 2021 – 2025, tầm nhìn đến năm 2030 (sửa đổi lần 1);
- Thông báo số 1672/TB-EVN HANOI ngày 27/02/2024 của Tổng Công ty Điện lực TP Hà Nội về việc chuẩn hóa tên gọi, đơn vị tính vật tư thiết bị lưới điện;
- Thông báo số 7734/EVN HANOI-QLDTU ngày 08/11/2022 về việc hướng dẫn tạm thời thực hiện Quy trình thẩm tra, trình duyệt nhiệm vụ kỹ thuật và dự toán công tác lập quy hoạch, BCNCKT, BCKTKT trong Tổng công ty;
- Quyết định số 45/QĐ-HĐTV ngày 27/03/2025 của Tổng công ty điện lực TP Hà Nội về việc ban hành Đề án “Chuẩn hoá lưới điện phân phối cấp điện áp đến 35kV trong Tổng công ty điện lực TP Hà Nội”.
- Quyết định số 69/QĐ-HĐTV ngày 21/04/2025 của Hội đồng thành viên Tổng Công ty Điện lực TP Hà Nội về việc ban hành Quy định phân cấp quản lý trong Tổng Công ty Điện lực thành phố Hà Nội.
- Quyết định số 4892/QĐ-EVN HANOI ngày 31/5/2025 của Tổng công ty Điện lực Thành phố Hà Nội về việc Ban hành Quy định trình tự thực hiện công tác thẩm định các dự án Đầu tư xây dựng trong Tổng công ty Điện lực TP Hà Nội;
- Quyết định số 8848/QĐ-EVN HANOI ngày 10/9/2025 của Tổng công ty Điện lực TP Hà Nội về việc ban hành Quy trình Quy định về công tác khảo sát, thiết kế dự án lưới điện cấp điện áp đến 220kV trong Tổng công ty Điện lực TP Hà Nội;
- Quyết định số 10699/QĐ-EVN HANOI ngày 05/11/2025 của Tổng công ty Điện lực Thành phố Hà Nội về việc Ban hành Quy định về công tác đầu tư xây dựng trong Tổng công ty Điện lực TP Hà Nội;
- Quyết định số 571/QĐ-EVN HANOI ngày 20/01/2026 về việc Sửa đổi lần 2 “Đề án định hướng Công tác Quản lý kỹ thuật giai đoạn 2021 -2025, tầm nhìn đến 2030 (sửa đổi lần 1)”;
- Quyết định số 12870/QĐ-EVN HANOI ngày 30/12/2025 của Tổng Giám đốc Tổng Công ty Điện lực TP Hà Nội về việc giao kế hoạch sản xuất kinh doanh – đầu tư

xây dựng- tài chính năm 2026 cho Công ty Điện lực Gia Lâm;

- Quyết định số 1020/QĐ-EVNHANOI ngày 30/01/2026 của Tổng Công ty Điện lực TP Hà Nội về việc giao danh mục đầu tư xây dựng đợt 4 năm 2026 cho Công ty Điện lực Gia Lâm;

- Quyết định 4442/QĐ-PCGIALAM ngày 12/12/2025 về việc kiện toàn Ban Quản lý dự án kiêm nhiệm tại Công ty Điện lực Gia Lâm theo văn bản số 10848/EVNHANOI-TCNS ngày 10/11/2025 của Công ty Điện lực Gia Lâm;

II. MỤC TIÊU DỰ ÁN:

Dự án: “Cải tạo, nâng công suất các TBA, nâng cao năng lực cấp điện lưới điện hạ áp trên địa bàn phường Bồ Đề, Phúc Lợi, Long Biên, xã Bát Tràng năm 2026” được xây dựng mới mục tiêu:

- Xây dựng và phát triển nguồn điện và lưới điện đáp ứng kịp thời nhu cầu phụ tải theo dự báo, phù hợp với chiến lược phát triển ngành và quy hoạch phát triển điện lực của địa phương.

- Đảm bảo an toàn cung cấp điện cho các hộ phụ tải trong chế độ vận hành bình thường và sự cố; sơ đồ phát triển lưới điện phải có độ dự trữ, đơn giản, linh hoạt, đảm bảo chất lượng điện năng cho sự phát triển kinh tế, xã hội, đặc biệt cho các khu công nghiệp và khu đô thị tập trung; sử dụng điện tiết kiệm và hiệu quả năng lượng; phát triển các công nghệ mới, tận dụng nguồn năng lượng sơ cấp bền vững.

- Nâng cao độ tin cậy của lưới điện, đáp ứng đầy đủ nhu cầu về điện của khách hàng với chất lượng ngày càng cao và dịch vụ ngày càng hoàn hảo.

- Phát triển hệ thống lưới điện điện đảm bảo cung cấp điện ổn định, an toàn, tin cậy phục vụ đời sống, tiêu dùng của nhân dân và phục vụ cho phát triển kinh tế - xã hội, chính trị, an ninh quốc phòng của Thủ đô Hà Nội và từng địa phương. Kết cấu lưới điện được xây dựng theo hướng hiện đại, mỹ quan đô thị, độ tin cậy cung cấp điện cao; có sự gắn kết quy hoạch phát triển điện lực của từng địa phương, vùng và chung toàn Thành phố.

- Hoàn thành các chỉ tiêu quản lý kỹ thuật-vận hành theo kế hoạch Tổng Công ty Điện lực TP Hà Nội giao.

- Ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật, đổi mới công nghệ, chuyển đổi số trong công tác quản lý kỹ thuật lưới điện.

- Triển khai đầu tư xây dựng, phát triển lưới điện theo đúng Quy hoạch phát triển điện lực thành phố Hà Nội và tuân thủ các quy định, tiêu chuẩn kỹ thuật của Nhà nước, của EVN, của EVNHANOI ban hành.

- Phát triển lưới điện thông minh với công nghệ hiện đại nhằm nâng cao chất lượng điện năng, độ tin cậy cung cấp điện; góp phần trong công tác quản lý nhu cầu điện, khuyến khích sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả; tạo điều kiện nâng cao năng suất lao động, giảm nhu cầu đầu tư vào phát triển nguồn và lưới điện; tăng cường khai thác hợp lý các nguồn tài nguyên năng lượng, đảm bảo an ninh năng lượng quốc gia, góp phần bảo vệ môi trường và phát triển kinh tế - xã hội bền vững.

III. QUY MÔ ĐẦU TƯ SƠ BỘ CỦA DỰ ÁN:

- Cải tạo 02 TBA từ trạm treo thành trạm hợp bộ trụ thép: Cầu 12, Thôn Cầu 3.

- Nâng công suất chống quá tải cho 07 TBA sử dụng 07 MBA 630kVA-22/0,4kV:

Cầu 12, Phú Viên 4, Gia Thượng 3, Ngọc Thụy 9, Tư Đình 3, Thôn Cầu 3, Khoan Tể.

- Thay thế 07 tủ tổng hạ áp trong đó sử dụng: 01 Tủ tổng hạ áp- 1600A, 01 Tủ tổng hạ áp- 1250A, 05 Tủ tổng hạ áp- 1000A

- Lắp đặt 05 tủ tụ bù 0,4kV-6x15kVar, có điều khiển

- Kéo bổ sung 3885m cáp đường trục hạ thế sử dụng cáp vện xoắn hạ thế 4x120mm và 753m cáp ngầm hạ áp Al 4x240mm.

- Khối lượng cụ thể như sau:

STT	Tên hạng mục	Đơn vị	Khối lượng	Chủng loại quy cách
A	Thiết bị			
1	Tủ tổng hạ áp 1000A- có ngăn có thể tích hợp tủ RMU kèm chụp cực MBA và máng cáp trung hạ thế, trụ đỡ MBA 630kVA-22/0.4kV, kèm tủ tụ bù 0,4kV-6x15kVar-trong nhà, có điều khiển	Trụ	02	Trụ đỡ kiêm tủ hạ thế, tụ bù hạ áp, có ngăn có thể tích hợp tủ RMU-22kV-TBA hợp bộ đứng compact 600V-1000A - 01 ATM tổng 1000A, 05 ATM nhánh 320A, 01 ATM nhánh 250A (tụ bù hạ thế), 01 ATM 25A tự dùng, 01 vị trí dự phòng, tụ bù hạ áp có điều khiển 0,4kV-6x15 kVAr, có hộp chụp cực MBA, máng cáp cao thế, máng cáp hạ thế, giá kiểm tra MBA, bulong móng D28.
2	MBA dầu-3 pha-22kV-630kVA-cách điện plug-in, bình dầu phụ	Cái	03	MBA 630 kVA-22± 2x2,5%/0.4KV (Po≤780W, Pk≤5570W)-Sứ Elbow
3	MBA dầu-3pha-22kV-630kVA - Có bình dầu phụ	cái	04	MBA 630 kVA-22± 2x2,5%/0.4KV (Po≤780W, Pk≤5570W)-Sứ thường
4	Tủ tổng hạ áp-1600A-trong nhà, kiểu bệt	Cái	01	600V-1600A
5	Tủ tổng hạ áp-1250A-Kiểu bệt-Ngoài trời	cái	01	600V-1250A
6	Tủ tổng hạ áp-1000A	cái	05	600V-1000A
7	Tủ tụ bù 0,4kV-điều khiển 6 cấp-6x15kVar, có điều khiển	cái	05	Tủ tụ bù hạ áp có điều khiển 0,4kV-6x15kVAr
B	Vật liệu chính			
1	Cáp hạ áp-AL-4x240mm2- Giáp kim loại dải băng kép, cách điện XLPE	m	753	0,6/1kV AL/XLPE/PVC/DSTA/PVC-4x240mm2
2	Cáp vện xoắn hạ áp 4x120mm2	m	3885	Cáp điện vện xoắn ABC 0,6/1kV-4x120 mm2

IV. KHÁI TOÁN CHI PHÍ ĐẦU TƯ CỦA DỰ ÁN:

1. Cơ sở lập khái toán chi phí đầu tư

- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/06/2014; Luật số 62/2020/QH14 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng số 50/2014/QH13;
- Nghị định 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;
- Nghị định số 174/2025/NĐ-CP ngày 30/06/2025 của Chính Phủ về việc quy định chính sách giảm thuế giá trị gia tăng theo nghị quyết số 204/2025/QH ngày 17/6/2025 của Quốc hội;
- Thông tư 49/2013/TT-BTC ngày 26/4/2013 hướng dẫn chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác và sử dụng tư liệu đo đạc – bản đồ;
- Thông Tư 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 về việc Hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng;
- Thông Tư 12/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ xây dựng ban hành định mức xây dựng;
- Thông tư 13/2021/TT-BXD ngày 31/08/2021 của Bộ Xây dựng hướng dẫn phương pháp xác định các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật và đo bóc khối lượng công trình;
- Thông tư số 14/2023/TT-BXD ngày 29/12/2023 của Bộ Xây dựng về sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ xây dựng hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng;
- Thông tư số 09/2024/TT-BXD của Bộ Xây dựng: Sửa đổi, bổ sung một số định mức xây dựng ban hành tại Thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày 31 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng;
- Thông tư 01/2025/TT-BXD ngày 22/01/2025 của Bộ xây dựng về việc Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 13/2021/TT-BXD ngày 31 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn phương pháp xác định các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật và đo bóc khối lượng công trình, Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng đã được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Thông tư số 14/2023/TT-BXD ngày 29 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng;
- Thông tư số 08/2025/TT-BXD ngày 30/5/2025 của Bộ Xây dựng Sửa đổi, bổ sung một số định mức xây dựng ban hành tại Thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày 31 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng;
- Đơn giá xây dựng công trình Thành phố Hà Nội phần khảo sát xây dựng ban hành kèm theo Quyết định số 380/QĐ-UBND ngày 16/04/2023 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội;
- Quyết định số 3461/QĐ-SXD ngày 22/12/2025 của Sở Xây dựng về việc Công bố đơn giá nhân công xây dựng trên địa bàn TP Hà Nội;
- Quyết định số 3562/QĐ-SXD ngày 31/12/2025 của Sở Xây dựng TP Hà Nội về việc công bố giá ca máy và thiết bị thi công xây dựng trên địa bàn Thành phố Hà Nội;
- Công bố giá vật liệu xây dựng TP Hà Nội số 02.04/2025/CBGVL-SXD ngày 15/12/2025;
- Quyết định số 50/QĐ-HĐTV ngày 18/04/2022 của Tập đoàn Điện lực Việt Nam

về việc ban hành suất vốn đầu tư xây dựng năm 2022;

- Quyết định số 1100/QĐ-EVN ngày 25/7/2022 của Tập đoàn Điện lực Việt Nam về việc ban hành Bộ quy trình quản lý chất lượng nội bộ Ban QLDA và Bộ quy trình quản lý chất lượng dự án đầu tư xây dựng khối lưới điện phân phối;

- Văn bản số 1445/EVNHA NOI-QLDTU ngày 14/02/2025 của Tổng Công ty Điện lực TP Hà Nội về việc thực hiện các Quyết định của Sở xây dựng Hà Nội công bố đơn giá nhân công xây dựng, giá ca máy và thiết bị thi công xây dựng trên địa bàn Thành phố Hà Nội;

- Thông báo số 3888/TB-EVNHA NOI ngày 07/05/2025 của Tổng Công ty Điện lực TP Hà Nội về việc xin giá vật tư thiết bị từ các nguồn thông tin giá;

- Giá vật tư thiết bị tham khảo theo Báo giá của các nhà cung cấp vật tư thiết bị tại thời điểm lập dự toán;

- Khối lượng đầu tư sơ bộ được xác định từ Mục III nêu trên;

2. Nguyên tắc xác định khái toán.

- Lập khái toán chi phí đầu tư xây dựng dự án trên cơ sở vận dụng phương pháp xác định sơ bộ TMĐT theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 4 Nghị định số 10/2021/NĐ-CP và phương pháp hướng dẫn tại mục I Phụ lục I. TT11/2021/TT-BXD. Cụ thể:

- Sơ bộ tổng mức đầu tư xây dựng là ước tính chi phí đầu tư xây dựng của dự án gồm: chi phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư (nếu có); chi phí xây dựng; chi phí thiết bị; chi phí quản lý dự án; chi phí tư vấn đầu tư xây dựng; chi phí khác; chi phí dự phòng.

- Sơ bộ chi phí xây dựng và chi phí thiết bị được ước tính trên cơ sở quy mô, công suất hoặc năng lực phục vụ theo phương án thiết kế sơ bộ của dự án và suất vốn đầu tư số 50/QĐ-EVN ngày 18/04/2022 của Tập đoàn Điện lực Việt Nam về việc ban hành suất vốn đầu tư xây dựng công trình lưới điện phân phối cấp điện áp đến 35KV.

- Đối với một số VTTB không có trong suất vốn đầu tư sử dụng cơ sở giá vật tư thiết bị đã được phê duyệt tại các công trình đầu tư xây dựng có tính chất tương tự.

- Việc xác định chi phí xây dựng và thiết bị trong khái toán chi phí đầu tư của dự án như trên để phục vụ cho công tác xác định các khoản mục chi phí tính theo tỷ lệ % của chi phí xây dựng và thiết bị. Các chi phí tư vấn và các chi phí khác: được xác định và tính toán theo Thông tư 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng; Thông tư 12/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng ban hành định mức xây dựng; Thông tư số 09/2024/TT-BXD của Bộ Xây dựng: Sửa đổi, bổ sung một số định mức xây dựng ban hành tại Thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày 31 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.

2. Khái toán chi phí đầu tư: 11.430.000.000 đồng

(Bằng chữ: Mười một tỷ, bốn trăm ba mươi triệu đồng)

(Chi tiết các phụ lục kèm theo)

PHẦN II: NHIỆM VỤ KỸ THUẬT VÀ DỰ TOÁN CHI PHÍ GIAI ĐOẠN CHUẨN BỊ DỰ ÁN

I. NHIỆM VỤ KỸ THUẬT:

1. Cơ sở lập nhiệm vụ kỹ thuật

Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18 tháng 6 năm 2014; Luật số 62/2020/QH14 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng số 50/2014/QH13;

Luật Điện lực số 61/2024/QH15 ngày 30 tháng 11 năm 2024;

Nghị định số 11/VBHN-BXD của Bộ Xây dựng ngày 12 tháng 9 năm 2023 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý Quy hoạch đô thị.

Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;

Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây Dựng.

Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng;

Nghị định số 62/2025/NĐ-CP ngày 04/3/2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật điện lực về bảo vệ công trình điện lực và an toàn trong lĩnh vực điện lực;

Thông tư số 43/2013/TT-BCT ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định nội dung, trình tự, thủ tục lập, thẩm định, phê duyệt và điều chỉnh Quy hoạch phát triển điện lực;

Thông tư 02/2024/TT-BXD ngày 20 tháng 5 năm 2024 của Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định và quản lý chi phí quy hoạch chi tiết theo quy trình rút gọn;

Thông tư 17/2025/TT-BXD ngày 30/06/2025 về việc ban hành định mức, phương pháp lập và quản lý chi phí cho hoạt động quy hoạch đô thị và nông thôn;

Quyết định số 711/QĐ-UBND ngày 09/12/2017 về việc phê duyệt hợp phần II: Quy hoạch chi tiết phát triển lưới điện trung áp sau các trạm 110kV của Quy hoạch phát triển điện lực Thành phố Hà Nội giai đoạn 2016-2025, có xét đến năm 2035;

Quyết định số 1100/QĐ-EVN ngày 25/7/2022 của Tập đoàn Điện lực Việt Nam về việc ban hành Bộ quy trình quản lý chất lượng nội bộ Ban QLDA và Bộ quy trình quản lý chất lượng dự án đầu tư xây dựng khối lưới điện phân phối;

Căn cứ Quyết định 789/QĐ-EVN ngày 10/06/2025 của Tập đoàn Điện lực Việt Nam về việc ban hành quy định về công tác đầu tư xây dựng trong Tập đoàn Điện lực Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 88/QĐ-EVN HANOI ngày 03/01/2024 của Tổng Công ty Điện lực TP Hà Nội về việc ban hành “Đề án định hướng Công tác Quản lý kỹ thuật giai đoạn 2021 – 2025, tầm nhìn đến năm 2030 (sửa đổi lần 1);

Thông báo số 1672/TB-EVNHANOI ngày 27/02/2024 của Tổng Công ty Điện lực TP Hà Nội về việc chuẩn hóa tên gọi, đơn vị tính vật tư thiết bị lưới điện;

Quyết định số 45/QĐ-HĐTV ngày 27/03/2025 của Tổng công ty điện lực TP Hà Nội về việc ban hành Đề án “Chuẩn hoá lưới điện phân phối cấp điện áp đến 35kV trong Tổng công ty điện lực TP Hà Nội”.

Quyết định số 69/QĐ-HĐTV ngày 21/04/2025 của Hội đồng thành viên Tổng Công ty Điện lực TP Hà Nội về việc ban hành Quy định phân cấp quản lý trong Tổng Công ty Điện lực thành phố Hà Nội.

Căn cứ Quyết định số 4892/QĐ-EVNHANOI ngày 31/5/2025 của Tổng công ty Điện lực Thành phố Hà Nội về việc Ban hành Quy định trình tự thực hiện công tác thẩm định các dự án Đầu tư xây dựng trong Tổng công ty Điện lực TP Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 8848/QĐ-EVNHANOI ngày 10/9/2025 của Tổng công ty Điện lực TP Hà Nội về việc ban hành Quy trình Quy định về công tác khảo sát, thiết kế dự án lưới điện cấp điện áp đến 220kV trong Tổng công ty Điện lực TP Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 10699/QĐ-EVNHANOI ngày 05/11/2025 của Tổng công ty Điện lực Thành phố Hà Nội về việc Ban hành Quy định về công tác đầu tư xây dựng trong Tổng công ty Điện lực TP Hà Nội;

Quyết định số 12870/QĐ-EVNHANOI ngày 30/12/2025 của Tổng Giám đốc Tổng Công ty Điện lực TP Hà Nội về việc giao kế hoạch sản xuất kinh doanh – đầu tư xây dựng- tài chính năm 2026 cho Công ty Điện lực Gia Lâm;

Căn cứ Quyết định số 1020/QĐ-EVNHANOI ngày 30/01/2026 của Tổng Công ty Điện lực TP Hà Nội về việc giao danh mục đầu tư xây dựng đợt 4 năm 2026 cho Công ty Điện lực Gia Lâm;

Quyết định 4442/QĐ-PCGIALAM ngày 12/12/2025 về việc kiện toàn Ban Quản lý dự án kiêm nhiệm tại Công ty Điện lực Gia Lâm theo văn bản số 10848/EVNHANOI-TCNS ngày 10/11/2025 của Công ty Điện lực Gia Lâm;

Căn cứ vào tình trạng hiện tại của lưới điện trung – hạ áp trên địa bàn Công ty Điện lực Gia Lâm.

2. Nội dung của nhiệm vụ kỹ thuật

- Dự án: “Cải tạo, nâng công suất các TBA, nâng cao năng lực cấp điện lưới điện hạ áp trên địa bàn phường Bồ Đề, Phúc Lợi, Long Biên, xã Bát Tràng năm 2026”

- Vị trí xây dựng:

+ Trên địa bàn khu vực phường Bồ Đề, Phúc Lợi, Long Biên, xã Bát Tràng;

+ Về quy hoạch xây dựng: phù hợp với quy hoạch phân khu đô thị N10, tỉ lệ 1/2000 được phê duyệt tại quyết định số 6115/QĐ-UBND ngày 21/11/2014 của UBND Thành phố Hà Nội;

- Quy mô công suất:

+ 03 MBA dầu- 3 pha- 22kV- 630kVA- cách điện plug-in, bình dầu phụ

+ 04 MBA dầu- 3 pha- 22kV- 630kVA, có bình dầu phụ

+ 01 Tủ tổng hạ áp- 1600A

+ 01 Tủ tổng hạ áp- 1250A

+ 05 Tủ tổng hạ áp- 1000A

+ 05 Tủ tụ bù hạ áp có điều khiển 0,4kV-6x15kVAr

+ 02 TBA thân trụ thép bao gồm tủ hạ thế 1000A và tủ tụ bù có điều khiển

6x15kVar

+ Sử dụng 753m Cáp hạ áp-Al-4x240mm²-Giáp kim loại dải băng kép, cách điện XLPE

+ Sử dụng 3885m Cáp vặn xoắn hạ áp 4x120mm²

Giải pháp công nghệ chính:

*** Trạm biến áp Cầu 12:**

❖ Hiện trạng:

- Công suất: 400kVA-22/0,4kV.
- Kết cấu hiện trạng TBA Cầu 12: kết cấu kiểu trạm treo, các thiết bị, vật tư treo trên 02 cột BTLT.

❖ Cải tạo:

- Cải tạo TBA treo thành trạm hợp bộ.
- + Điểm đấu trung áp: Giữ nguyên điểm đấu cũ
- Nâng công suất TBA Cầu 12 từ 400kVA lên 630kVA
- Lắp mới Trụ thép đỡ MBA 630kVA có ngăn lắp tủ trung thế, kèm tủ hạ thế 600V-1000A trọn bộ.

- Thiết bị đóng cắt phía trung áp:

- + Tận dụng 01 tủ RMU 22kV-kiểu compact-4 ngăn (3CD+1MC)-Không mở rộng được; 1MC sang MBA; Không kết nối SCADA
- + Tủ trung áp được đặt ngoài thân trụ trạm.

- Thiết bị hạ áp:

Trụ thép hợp bộ trung, hạ áp:

- + Khung trạm biến áp được thiết kế có tác dụng đỡ toàn bộ thiết bị trạm, gồm: Máy biến áp, tủ trung thế, tủ hạ thế, tủ tụ bù hạ áp có điều khiển, cáp cao, hạ áp được cố định trên máng bắt chặt vào thân khung trạm. Vỏ trạm được chế tạo bằng thép tấm mạ kẽm nhúng nóng và sơn tĩnh điện đảm bảo điều kiện lắp đặt ngoài trời và tránh mọi sự tiếp xúc của người dân với thiết bị trong trạm, cấp bảo vệ đạt cấp IP54 theo tiêu chuẩn IEC 529.

+ Hộp chụp cực máy biến áp được thiết kế phù hợp với chủng loại máy biến áp được lắp đặt đảm bảo quan sát được phao báo dầu, có cửa mở với kích thước phù hợp để phục vụ việc kiểm tra và chụp ảnh nhiệt.

+ Thân trạm có hệ thống thu gom dầu máy biến áp.

+ Thân trụ có giá đỡ và thang trèo để kiểm tra máy biến áp. Giá đỡ có thể xếp lại khi không sử dụng.

+ Sử dụng tủ điện hạ áp 600V-1000A trọn bộ tích hợp trong thân trụ thép trạm biến áp. Tủ có lắp đặt TI 1000/5A CCX 0,1 để lấy tín hiệu cho tủ tụ bù tự động, công tơ được lắp trong hòm chống tổn thất theo quy định của Tổng Công ty Điện lực TP. Hà Nội. Sử dụng tủ tụ bù hạ áp có điều khiển 0,4kV-6x15kVAr tích hợp trong thân trụ thép trạm biến áp.

+ Cáp hạ áp từ MBA sang tủ phân phối dùng 8 sợi Cáp hạ áp-Cu-1x240mm², không có lớp giáp bảo vệ, mỗi pha 02 sợi, chiều dài khoảng 5m/sợi.

+ Dây trung tính nối đất của MBA sử dụng 01 sợi Cáp hạ áp-Cu-1x240mm² không có lớp giáp bảo vệ, chiều dài khoảng 7m.

+ Cáp từ tủ phân phối sang tủ tụ bù dùng 01 sợi cáp hạ áp-Cu-4x50mm² không có lớp giáp bảo vệ, chiều dài khoảng 4m.

+ Thực hiện nối đất, nối không tủ hạ áp theo đúng quy định hiện hành của Tổng Công

ty Điện lực TP. Hà Nội.

+ Hệ thống nối đất của trạm được tính toán sao cho điện trở nối đất của hệ thống phải đạt $R \leq 4\Omega$

- Phần đường dây hạ áp 0,4kV:

+ Kéo mới đường trục hạ áp sử dụng 250m cáp hạ áp AL 4x240mm và 600m cáp vặn xoắn hạ áp 4x120 cụ thể như sau:

Kéo mới 01 lộ cáp hạ áp sử dụng cáp vặn xoắn hạ áp 4x120mm² san tải cho các TBA Ngọc Lâm 6 tổng chiều dài cáp khoảng 150m.

Cải tạo, nâng cấp 450m ĐZ 0,4kV sử dụng cáp vặn xoắn hạ áp 4x95mm² lên sử dụng cáp vặn xoắn hạ áp 4x120mm²

+ Đánh lại số cột theo đúng quy định, đóng cọc tiếp địa lắp lại dọc theo đường trục với khoảng cách từ 200-250m một vị trí và tại các cột cuối, cột rẽ nhánh

- Toàn bộ các chi tiết sắt trên hệ thống cột hạ áp phải được thực hiện nối không theo đúng quy định hiện hành của Tổng Công ty Điện lực TP. Hà Nội.

*** Trạm biến áp Phú Viên 4:**

❖ **Hiện trạng:**

- Công suất: 400kVA-22/0,4kV.

- Kết cấu hiện trạng TBA Treo: kết cấu kiểu trạm treo, các thiết bị, vật tư treo trên 02 cột BTLT.

❖ **Cải tạo:**

- Nâng công suất TBA Phú Viên 4 từ 400kVA lên 630kVA

- Thiết bị đóng cắt phía trung áp:

+ Tận dụng thiết bị trung thế hiện trạng thay thế dây chảy cầu chì bảo vệ MBA phù hợp với thực tế hiện trường;

- Phần đường dây hạ áp 0,4kV:

+ Kéo mới và cải tạo đường trục hạ áp sử dụng 400m cáp vặn xoắn hạ áp 4x120 cụ thể như sau:

Kéo mới 01 lộ cáp hạ áp sử dụng cáp vặn xoắn hạ áp 4x120mm² san tải cho các TBA Chùa Lâm Du tổng chiều dài cáp khoảng 100m.

Cải tạo, nâng cấp 300m ĐZ 0,4kV sử dụng cáp vặn xoắn hạ áp 4x95mm² lên sử dụng cáp vặn xoắn hạ áp 4x120mm²

+ Đánh lại số cột theo đúng quy định, đóng cọc tiếp địa lắp lại dọc theo đường trục với khoảng cách từ 200-250m một vị trí và tại các cột cuối, cột rẽ nhánh

- Toàn bộ các chi tiết sắt trên hệ thống cột hạ áp phải được thực hiện nối không theo đúng quy định hiện hành của Tổng Công ty Điện lực TP. Hà Nội.

*** Trạm biến áp Gia Thượng 3:**

❖ **Hiện trạng:**

- Công suất: 400kVA-22/0,4kV.

- Kết cấu hiện trạng TBA Treo: kết cấu kiểu trạm treo, các thiết bị, vật tư treo trên 02 cột BTLT.

❖ **Cải tạo:**

- Nâng công suất TBA Gia Thượng 3 từ 400kVA lên 630kVA

- Thiết bị đóng cắt phía trung áp:

+ Tận dụng 01 tủ RMU 22kV-kiểu compact-3 ngăn (3CD)-Không mở rộng được; 1CD sang MBA; Không kết nối SCADA;

- Phần đường dây hạ áp 0,4kV:

+ Kéo mới đường trục hạ áp sử dụng 50m cáp hạ áp AL 4x240mm và 600m cáp vặn xoắn hạ áp 4x120 cụ thể như sau:

Kéo mới 01 lộ cáp hạ áp sử dụng cáp vặn xoắn hạ áp 4x120mm² san tải cho các TBA Gia Thượng 9 tổng chiều dài cáp khoảng 100m.

Cải tạo, nâng cấp 500m ĐZ 0,4kV sử dụng cáp vặn xoắn hạ áp 4x95mm² lên sử dụng cáp vặn xoắn hạ áp 4x120mm²

+ Đánh lại số cột theo đúng quy định, đóng cọc tiếp địa lắp lại dọc theo đường trục với khoảng cách từ 200-250m một vị trí và tại các cột cuối, cột rẽ nhánh

- Toàn bộ các chi tiết sắt trên hệ thống cột hạ áp phải được thực hiện nối không theo đúng quy định hiện hành của Tổng Công ty Điện lực TP. Hà Nội.

*** Trạm biến áp Ngọc Thụy 9:**

❖ **Hiện trạng:**

- Công suất: 400kVA-22/0,4kV.

- Kết cấu hiện trạng TBA Treo: kết cấu kiểu trạm xây

❖ **Cải tạo:**

- Nâng công suất TBA Ngọc Thụy 9 từ 400kVA lên 630KVA

- Thiết bị đóng cắt phía trung áp:

+ Tận dụng 01 tủ RMU 22kV-kiểu compact-3 ngăn (2CD+1CC)-Không mở rộng được; 1CC sang MBA; Không kết nối SCADA

- Phần đường dây hạ áp 0,4kV:

+ Kéo mới đường trục hạ áp sử dụng 250m cáp hạ áp AL 4x240mm và 500m cáp vặn xoắn hạ áp 4x120 cụ thể như sau:

Kéo mới 01 lộ cáp hạ áp sử dụng cáp cáp hạ áp AL 4x240mm san tải cho các TBA Gia Thượng 9 tổng chiều dài cáp khoảng 250m.

Cải tạo, nâng cấp 500m ĐZ 0,4kV sử dụng cáp vặn xoắn hạ áp 4x95mm² lên sử dụng cáp vặn xoắn hạ áp 4x120mm²

+ Đánh lại số cột theo đúng quy định, đóng cọc tiếp địa lắp lại dọc theo đường trục với khoảng cách từ 200-250m một vị trí và tại các cột cuối, cột rẽ nhánh

- Toàn bộ các chi tiết sắt trên hệ thống cột hạ áp phải được thực hiện nối không theo đúng quy định hiện hành của Tổng Công ty Điện lực TP. Hà Nội.

*** Trạm biến áp Tư Đình 3:**

❖ **Hiện trạng:**

- Công suất: 400kVA-22/0,4kV.

- Kết cấu hiện trạng TBA Treo: kết cấu kiểu 1 cột.

❖ **Cải tạo:**

- Nâng công suất TBA Tư Đình 3 từ 400kVA lên 630KVA

- Thiết bị đóng cắt phía trung áp:

+ Tận dụng 01 tủ RMU 22kV-kiểu compact-3 ngăn (2CD+1CC)-Không mở rộng được; 1CC sang MBA; Không kết nối SCADA

- Phần đường dây hạ áp 0,4kV:

+ Kéo mới và cải tạo đường trục hạ áp sử dụng 30m cáp hạ áp AL 4x240mm và 350m cáp vặn xoắn hạ áp 4x120 cụ thể như sau:

Kéo mới 01 lộ cáp hạ áp sử dụng cáp vặn xoắn hạ áp 4x120mm² san tải cho các TBA Tư Đình 10 tổng chiều dài cáp khoảng 350m.

+ Đánh lại số cột theo đúng quy định, đóng cọc tiếp địa lắp lại dọc theo đường trục với khoảng cách từ 200-250m một vị trí và tại các cột cuối, cột rẽ nhánh

- Toàn bộ các chi tiết sắt trên hệ thống cột hạ áp phải được thực hiện nổi không theo đúng quy định hiện hành của Tổng Công ty Điện lực TP. Hà Nội.

*** Trạm biến áp Thôn Cầu 3:**

❖ Hiện trạng:

- Công suất: 400kVA-22/0,4kV.
- Kết cấu hiện trạng TBATHôn Cầu 3: kết cấu kiểu trạm treo, các thiết bị, vật tư treo trên 02 cột BTLT.

❖ Cải tạo:

- Cải tạo TBA treo thành trạm hợp bộ.
- + Điểm đấu trung áp: Giữ nguyên điểm đấu cũ
- Nâng công suất TBA Thôn Cầu 3 từ 400kVA lên 630KVA
- Lắp mới Trụ thép đỡ MBA 630kVA có ngăn lắp tủ trung thế, kèm tủ hạ thế 600V-1000A trọn bộ.
- **Thiết bị đóng cắt phía trung áp:**
 - + Tận dụng 01 tủ RMU 22kV-kiểu compact-3 ngăn (2CD+1MC)-Không mở rộng được; 1MC sang MBA; Không kết nối SCADA
 - + Tủ trung áp được đặt ngoài thân trụ trạm.
- **Thiết bị hạ áp:**
 - Trụ thép hợp bộ trung, hạ áp:
 - + Khung trạm biến áp được thiết kế có tác dụng đỡ toàn bộ thiết bị trạm, gồm: Máy biến áp, tủ trung thế, tủ hạ thế, tủ tụ bù hạ áp có điều khiển, cáp cao, hạ áp được cố định trên máng bắt chặt vào thân khung trạm. Vỏ trạm được chế tạo bằng thép tấm mạ kẽm nhúng nóng và sơn tĩnh điện đảm bảo điều kiện lắp đặt ngoài trời và tránh mọi sự tiếp xúc của người dân với thiết bị trong trạm, cấp bảo vệ đạt cấp IP54 theo tiêu chuẩn IEC 529.
 - + Hộp chụp cực máy biến áp được thiết kế phù hợp với chủng loại máy biến áp được lắp đặt đảm bảo quan sát được phao báo dầu, có cửa mở với kích thước phù hợp để phục vụ việc kiểm tra và chụp ảnh nhiệt.
 - + Thân trạm có hệ thống thu gom dầu máy biến áp.
 - + Thân trụ có giá đỡ và thang trèo để kiểm tra máy biến áp. Giá đỡ có thể xếp lại khi không sử dụng.
 - + Sử dụng tủ điện hạ áp 600V-1000A trọn bộ tích hợp trong thân trụ thép trạm biến áp. Tủ có lắp đặt TI 1000/5A CCX 0,1 để lấy tín hiệu cho tủ bù tự động, công tơ được lắp trong hòm chống tổn thất theo quy định của Tổng Công ty Điện lực TP. Hà Nội. Sử dụng tủ tụ bù hạ áp có điều khiển 0,4kV-6x15kVAr tích hợp trong thân trụ thép trạm biến áp.
 - + Cáp hạ áp từ MBA sang tủ phân phối dùng 8 sợi Cáp hạ áp-Cu-1x240mm², không có lớp giáp bảo vệ, mỗi pha 02 sợi, chiều dài khoảng 5m/sợi.
 - + Dây trung tính nối đất của MBA sử dụng 01 sợi Cáp hạ áp-Cu-1x240mm² không có lớp giáp bảo vệ, chiều dài khoảng 7m.
 - + Cáp từ tủ phân phối sang tủ tụ bù dùng 01 sợi cáp hạ áp-Cu-4x50mm² không có lớp giáp bảo vệ, chiều dài khoảng 4m.
 - + Thực hiện nối đất, nối không tủ hạ áp theo đúng quy định hiện hành của Tổng Công ty Điện lực TP. Hà Nội.
 - + Hệ thống nối đất của trạm được tính toán sao cho điện trở nối đất của hệ thống phải đạt $R \leq 4\Omega$

- Phần đường dây hạ áp 0,4kV:

+ Kéo mới đường trục hạ áp sử dụng cáp hạ áp AL 4x240mm và 300m cáp vặn xoắn hạ áp 4x120 cụ thể như sau:

Kéo mới 01 lộ cáp hạ áp sử dụng cáp vặn xoắn hạ áp 4x120mm² san tải cho các TBA Thôn Cầu 2 tổng chiều dài cáp khoảng 300m.

+ Đánh lại số cột theo đúng quy định, đóng cọc tiếp địa lắp lại dọc theo đường trục với khoảng cách từ 200-250m một vị trí và tại các cột cuối, cột rẽ nhánh

- Toàn bộ các chi tiết sắt trên hệ thống cột hạ áp phải được thực hiện nối không theo đúng quy định hiện hành của Tổng Công ty Điện lực TP. Hà Nội.

*** Trạm biến áp Sài Đồng 5 :**

- Phần đường dây hạ áp 0,4kV:

+ Kéo mới 01 lộ cáp hạ áp sử dụng cáp vặn xoắn hạ áp 4x120mm² từ cột 1 đến cột 5 với chiều dài khoảng 135m

+ Xây dựng mới 01 tuyến cáp ngầm từ cột 5.1 Sài Đồng 5 đến cột 5 Sài Đồng 19 với chiều dài 48m sử dụng cáp ngầm Al-4x240

+ Đánh lại số cột theo đúng quy định, đóng cọc tiếp địa lắp lại dọc theo đường trục với khoảng cách từ 200-250m một vị trí và tại các cột cuối, cột rẽ nhánh

- Toàn bộ các chi tiết sắt trên hệ thống cột hạ áp phải được thực hiện nối không theo đúng quy định hiện hành của Tổng Công ty Điện lực TP. Hà Nội.

*** Trạm biến áp Thạch Bàn 13:**

- Phần đường dây hạ áp 0,4kV:

+ Thay thế tủ phân phối 1250A hiện trạng bằng tủ phân phối 1600A và phụ kiện đồng bộ đi kèm

+ Kéo mới 01 cáp hạ áp Al-4x240 từ tủ hạ thế K2 Thạch Bàn đến cột 24 với chiều dài khoảng 40m

- Toàn bộ các chi tiết sắt trên hệ thống cột hạ áp phải được thực hiện nối không theo đúng quy định hiện hành của Tổng Công ty Điện lực TP. Hà Nội.

*** Trạm biến áp Cự Khối 3:**

- Phần đường dây hạ áp 0,4kV:

+ Thay thế tủ phân phối 1000A hiện trạng bằng tủ phân phối 1250A và phụ kiện đồng bộ đi kèm

*** Trạm biến áp Khoan Tế**

❖ Hiện trạng:

- Công suất: 400kVA-22/0,4kV.

- Kết cấu hiện trạng TBA Treo: kết cấu kiểu trạm treo, các thiết bị, vật tư treo trên 02 cột BTLT.

❖ Cải tạo:

- Nâng công suất TBA Khoan Tế từ 400kVA lên 630kVA

- Phần đường dây hạ áp 0,4kV:

+ Thay thế tủ phân phối 630A hiện trạng bằng tủ phân phối 1000A và phụ kiện đồng bộ đi kèm

+ Kéo mới 01 lộ cáp hạ áp sử dụng cáp vặn xoắn hạ áp 4x120mm² san tải cho các TBA Đa Tốn 16 tổng chiều dài cáp khoảng 300m.

Cải tạo, nâng cấp 700m ĐZ 0,4kV sử dụng cáp vặn xoắn hạ áp 4x95mm² lên sử dụng cáp vặn xoắn hạ áp 4x120mm²

+ Đánh lại số cột theo đúng quy định, đóng cọc tiếp địa lắp lại dọc theo đường trục với khoảng cách từ 200-250m một vị trí và tại các cột cuối, cột rẽ nhánh

- Toàn bộ các chi tiết sắt trên hệ thống cột hạ áp phải được thực hiện nổi không theo đúng quy định hiện hành của Tổng Công ty Điện lực TP. Hà Nội.

3. Công tác khảo sát:

3.1 Tuyến cáp ngầm TBA Cầu 12

- Phần TBA:

- Đo vẽ bình đồ địa hình tỷ lệ 1:500 với khoảng cao đều đường đồng mức 0,5m cho khu vực đặt trạm/thiết bị với diện tích bằng diện tích trạm/thiết bị cộng thêm mỗi cạnh 03m; 01 vị trí khoan khảo sát
- Thí nghiệm các chỉ tiêu cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm cho mỗi mẫu tại vị trí hố khoan:
 - + Thí nghiệm các chỉ tiêu: khối lượng riêng, chỉ tiêu độ ẩm, độ hút ẩm, chỉ tiêu giới hạn dẻo, giới hạn chảy; chỉ tiêu thành phần hạt; chỉ tiêu sức chống cắt trên máy cắt phẳng; chỉ tiêu tính nén lún trong điều kiện không nở hông; chỉ tiêu khối thể tích (dung trọng)
- Đo điện trở suất 01 vị trí

- Tuyến cáp ngầm hạ áp:

- + Đoạn tuyến cáp ngầm này cần thiết phải đo vẽ bản đồ tỷ lệ 1/500 dọc theo tuyến cáp, từ tim tuyến ra mỗi bên 3m; đoạn tuyến này đo vẽ 01 mặt cắt ngang; 02 vị trí khoan khảo sát. Chiều dài tuyến khảo sát khoảng 250m.
- + Thực hiện điều tra, thu thập số liệu các công trình ngầm, nổi trên tuyến.

3.2 Tuyến cáp ngầm Gia Thượng 3

- Tuyến cáp ngầm hạ áp:

- + Đoạn tuyến cáp ngầm này cần thiết phải đo vẽ bản đồ tỷ lệ 1/500 dọc theo tuyến cáp, từ tim tuyến ra mỗi bên 3m; đoạn tuyến này đo vẽ 01 mặt cắt ngang; 01 vị trí khoan khảo sát. Chiều dài tuyến khảo sát khoảng 50m.
- + Thực hiện điều tra, thu thập số liệu các công trình ngầm, nổi trên tuyến.

3.3 Tuyến cáp ngầm Ngọc Thụy 9

- Tuyến cáp ngầm hạ áp:

- + Đoạn tuyến cáp ngầm này cần thiết phải đo vẽ bản đồ tỷ lệ 1/500 dọc theo tuyến cáp, từ tim tuyến ra mỗi bên 3m; đoạn tuyến này đo vẽ 01 mặt cắt ngang; 02 vị trí khoan khảo sát. Chiều dài tuyến khảo sát khoảng 250m.
- + Thực hiện điều tra, thu thập số liệu các công trình ngầm, nổi trên tuyến.

3.4 Tuyến cáp ngầm Tư Đình 3

- Tuyến cáp ngầm hạ áp:

- + Đoạn tuyến cáp ngầm này cần thiết phải đo vẽ bản đồ tỷ lệ 1/500 dọc theo tuyến cáp, từ tim tuyến ra mỗi bên 3m; đoạn tuyến này đo vẽ 01 mặt cắt ngang; 01 vị trí khoan khảo sát. Chiều dài tuyến khảo sát khoảng 30m.
- + Thực hiện điều tra, thu thập số liệu các công trình ngầm, nổi trên tuyến.

3.5 Tuyến cáp ngầm Thôn Cầu 3

- Phần TBA:

- Đo vẽ bình đồ địa hình tỷ lệ 1:500 với khoảng cao đều đường đồng mức 0,5m cho khu vực đặt trạm/thiết bị với diện tích bằng diện tích trạm/thiết bị cộng thêm mỗi cạnh 03m; 01 vị trí khoan khảo sát
- Thí nghiệm các chỉ tiêu cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm cho mỗi mẫu tại

vị trí hố khoan:

+ Thí nghiệm các chỉ tiêu: khối lượng riêng, chỉ tiêu độ ẩm, độ hút ẩm, chỉ tiêu giới hạn dẻo, giới hạn chảy; chỉ tiêu thành phần hạt; chỉ tiêu sức chống cắt trên máy cắt phẳng; chỉ tiêu tính nén lún trong điều kiện không nở hông; chỉ tiêu khối thể tích (dung trọng)

- Đo điện trở suất 01 vị trí

- **Tuyến cáp ngầm hạ áp:**

+ Đoạn tuyến cáp ngầm này cần thiết phải đo vẽ bản đồ tỷ lệ 1/500 dọc theo tuyến cáp, từ tìm tuyến ra mỗi bên 3m; đoạn tuyến này đo vẽ 01 mặt cắt ngang; 01 vị trí khoan khảo sát. Chiều dài tuyến khảo sát khoảng 85m.

+ Thực hiện điều tra, thu thập số liệu các công trình ngầm, nổi trên tuyến.

3.6 Tuyến cáp ngầm Sài Đồng 5

- **Tuyến cáp ngầm hạ áp:**

+ Đoạn tuyến cáp ngầm này cần thiết phải đo vẽ bản đồ tỷ lệ 1/500 dọc theo tuyến cáp, từ tìm tuyến ra mỗi bên 3m; đoạn tuyến này đo vẽ 01 mặt cắt ngang; 01 vị trí khoan khảo sát. Chiều dài tuyến khảo sát khoảng 48m.

+ Thực hiện điều tra, thu thập số liệu các công trình ngầm, nổi trên tuyến.

3.7 Tuyến cáp ngầm Thạch Bàn 13

- **Tuyến cáp ngầm hạ áp:**

+ Đoạn tuyến cáp ngầm này cần thiết phải đo vẽ bản đồ tỷ lệ 1/500 dọc theo tuyến cáp, từ tìm tuyến ra mỗi bên 3m; đoạn tuyến này đo vẽ 01 mặt cắt ngang; 01 vị trí khoan khảo sát. Chiều dài tuyến khảo sát khoảng 40m.

+ Thực hiện điều tra, thu thập số liệu các công trình ngầm, nổi trên tuyến.

Bảng khối lượng khảo sát

STT	Mã số	Tên công tác	Đơn vị	Khối lượng
1	A	KHẢO SÁT ĐỊA HÌNH		
		Phần tuyến cáp ngầm trung, hạ áp		
2	CK.11340	Đo vẽ chi tiết bản đồ địa hình trên cạn bằng máy toàn đạc điện tử và máy thủy bình điện tử. Bản đồ tỷ lệ 1/500, đường đồng mức 0,5m, cấp địa hình IV	ha	0.4518
3	CI.11130	Số hóa bản đồ địa hình tỷ lệ 1/500, đường đồng mức 0,5m - loại khó khăn 3	ha	0.4518
4	CF.11620	Đo lưới khống chế mặt bằng. Đường chuyên cấp 2. Bộ thiết bị GPS (3 máy)	điểm	10.0
5	CG.11340	Đo khống chế cao. Thủy chuẩn kỹ thuật. Cấp địa hình IV	km	0.7530

STT	Mã số	Tên công tác	Đơn vị	Khối lượng
6	CH.11140	Đo vẽ mặt cắt dọc ở trên cạn. Cấp địa hình IV	100m	7.530
7	CH.11240	Đo vẽ mặt cắt ngang ở trên cạn. Cấp địa hình IV	100m	1.40
		Khoan kiểm tra kết cấu nền đường phục vụ thi công, hoàn trả		
8	CC.11110	Khoan thủ công trên cạn. Độ sâu hố khoan từ 0m đến 10m. Cấp đất đá I -III	m khoan	10.80
9	TT	Điều tra, thu thập số liệu các công trình ngầm, nổi dọc theo tuyến cáp:	Công	3.0
		Phân trạm biến áp - Tủ RMU		
10	CK.11340	Đo vẽ chi tiết bản đồ địa hình trên cạn bằng máy toàn đạc điện tử và máy thủy bình điện tử. Bản đồ tỷ lệ 1/500, đường đồng mức 0,5m, cấp địa hình IV	ha	0.012
11	CI.11130	Số hóa bản đồ địa hình tỷ lệ 1/500, đường đồng mức 0,5m - loại khó khăn 3	ha	0.012
12	CF.11620	Đo lưới khống chế mặt bằng. Đường chuyền cấp 2. Bộ thiết bị GPS (3 máy)	điểm	4.0
13	TT	Điều tra, thu thập số liệu các công trình ngầm, nguồn nước	Công	3.0
14	B	KHẢO SÁT ĐỊA CHẤT		
15	CC.11110	Khoan thủ công trên cạn. Độ sâu hố khoan từ 0m đến 10m. Cấp đất đá I -III	m khoan	10.0
16		* Thí nghiệm		
17	DC.02001	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, chỉ tiêu khối lượng riêng	1 chỉ tiêu	2.0
18	DC.02002	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, chỉ tiêu độ ẩm, độ hút ẩm	1 chỉ tiêu	2.0

STT	Mã số	Tên công tác	Đơn vị	Khối lượng
19	DC.02003	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, chỉ tiêu giới hạn dẻo, giới hạn chảy	1 chỉ tiêu	2.0
20	DC.02004	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, chỉ tiêu thành phần hạt	1 chỉ tiêu	2.0
21	DC.02006	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, chỉ tiêu sức chống cắt trên máy cắt phẳng	1 chỉ tiêu	2.0
22	DC.02007	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, chỉ tiêu tính nén lún trong điều kiện không nở hông	1 chỉ tiêu	2.0
23	DC.02009	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, chỉ tiêu khối thể tích (dung trọng)	1 chỉ tiêu	2.0
		* Đo điện trở suất		
24	CB.21320	Thăm dò địa vật lý điện bằng phương pháp đo sâu điện đôi xứng. Cấp địa hình III-IV	quan sát	2.0

3. Tiến độ thực hiện: Năm 2026

4. Khái toán mức đầu tư: 11.430.000.000 đồng

(Bằng chữ: Mười một tỷ, bốn trăm ba mươi triệu đồng)

STT	NỘI DUNG	GIÁ TRỊ TRƯỚC THUẾ	THUẾ GTGT	GIÁ TRỊ SAU THUẾ
1	Chi phí BT-HT-TĐC			
2	Chi phí xây dựng	3.745.684.519	299.654.762	4.045.339.281
3	Chi phí thiết bị	5.170.024.000	413.601.920	5.583.625.920
4	Chi phí quản lý dự án	253.705.402		253.705.402
5	Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng	541.363.141	43.309.051	584.672.192

STT	NỘI DUNG	GIÁ TRỊ TRƯỚC THUẾ	THUẾ GTGT	GIÁ TRỊ SAU THUẾ
6	Chi phí khác	387.381.009	30.990.481	418.371.490
7	Chi phí dự phòng	504.907.904	39.377.811	544.285.715
	Tổng cộng	10.603.065.975	826.934.025	11.430.000.000

II. DỰ TOÁN CHI PHÍ GIAI ĐOẠN CHUẨN BỊ DỰ ÁN.

1. Cơ sở lập.

- Nghị định 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính Phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

- Nghị định số 174/2025/NĐ-CP ngày 30/06/2025 của Chính Phủ về việc quy định chính sách giảm thuế giá trị gia tăng theo nghị quyết số 204/2025/QH ngày 17/6/2025 của Quốc hội;

- Thông tư 49/2013/TT-BTC ngày 26/4/2013 hướng dẫn chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác và sử dụng tư liệu đo đạc – bản đồ;

- Thông tư 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 về việc Hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

- Thông tư 12/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ xây dựng ban hành định mức xây dựng;

- Thông tư 13/2021/TT-BXD ngày 31/08/2021 của Bộ Xây dựng hướng dẫn phương pháp xác định các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật và đo bóc khối lượng công trình;

- Thông tư 14/2023/TT-BXD ngày 29/12/2023 của Bộ Xây dựng về sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ xây dựng hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

- Thông tư số 09/2024/TT-BXD của Bộ Xây dựng: Sửa đổi, bổ sung một số định mức xây dựng ban hành tại Thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày 31 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng;

- Thông tư 01/2025/TT-BXD ngày 22/01/2025 của Bộ xây dựng về việc Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 13/2021/TT-BXD ngày 31 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn phương pháp xác định các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật và đo bóc khối lượng công trình, Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng đã được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Thông tư số 14/2023/TT-BXD ngày 29 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng;

- Thông tư số 08/2025/TT-BXD ngày 30/5/2025 của Bộ Xây dựng Sửa đổi, bổ sung một số định mức xây dựng ban hành tại Thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày 31 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng;

- Quyết định số 3461/QĐ-SXD ngày 22/12/2025 của Sở Xây dựng về việc Công bố đơn giá nhân công xây dựng trên địa bàn TP Hà Nội;

- Quyết định số 50/QĐ-HĐTV ngày 18/04/2022 của Tập đoàn Điện lực Việt Nam về việc ban hành suất vốn đầu tư xây dựng năm 2022;

- Quyết định số 1100/QĐ-EVN ngày 25/07/2022 của Tập đoàn Điện lực Việt Nam về việc ban hành Bộ quy trình quản lý chất lượng nội bộ Ban QLDA và Bộ quy trình quản lý chất lượng dự án đầu tư xây dựng khối lưới điện phân phối;

- Thông báo số 3888/TB-EVNHANOI ngày 07/05/2025 của Tổng Công ty Điện lực TP Hà Nội về việc xin giá vật tư thiết bị từ các nguồn thông tin giá;

- Công bố số 02.04/2025/CBGVL-SXD ngày 15/12/2025 của Sở xây dựng công bố giá một số vật liệu xây dựng Quý IV năm 2025 và theo Báo giá của các nhà cung cấp vật tư thiết bị tại thời điểm lập dự toán.

- Báo giá của các đơn vị cung cấp;

- Khối lượng đầu tư sơ bộ được xác định từ Mục III nêu trên.

2. Thành phần chi phí giai đoạn chuẩn bị dự án

- Chi phí tư vấn khảo sát

- Chi phí lập BCKTKT

3. Xác định dự toán chi phí giai đoạn CBDA.

Dự toán chi phí giai đoạn CBDA được xác định trên cơ sở khái toán chi phí đầu tư của dự án và thành phần chi phí giai đoạn CBDA nêu trên.

4. Giá trị dự toán chi phí giai đoạn CBDA: 613.905.801 đồng.

(Bằng chữ: Sáu trăm mười ba triệu chín trăm linh năm nghìn tám trăm linh một đồng)

(Chi tiết phụ lục kèm theo)